

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (224330) - Nhóm 01

CBGD: Nguyễn Ngọc Châu (240016)

Số SV có mặt: 50
Số bài thi: 50
Số tờ giấy thi: 50

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Ngọc Châu</i> NN Châu	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Ngọc Châu</i> NN Châu	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121240050	TRẦN NGỌC PHƯƠNG ANH	17/05/2002	CCQ2124B				42	35	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121240006	NGUYỄN THỊ BÌNH	19/05/2000	CCQ2124A				48	40	88	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121240003	TRẦN THỊ HỒNG CHI	03/07/2003	CCQ2124A				42	34	76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121240049	PHAN THÀNH CÔNG	23/09/2003	CCQ2124B				39	32	71	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121200094	LÊ NGUYỄN ANH ĐÀO	23/11/2002	CCQ2124F				34	30	64	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121200093	LÊ NGUYỄN HỒNG ĐÀO	16/06/2001	CCQ2124F				40	36	76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121240026	VŨ THỊ ANH ĐÀO	10/05/2003	CCQ2124A				45	38	83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120240033	ĐINH HƯƠNG GIANG	02/12/2001	CCQ2024B				48	49	97	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121240059	LÊ THỊ GIANG	10/02/2003	CCQ2124B				39	32	71	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121240010	TRẦN THANH HẢO	25/07/2000	CCQ2124A				43	37	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121240126	VŨ THÚY HIỀN	26/10/2003	CCQ2124E				46	39	85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121240008	HỒ THỊ HOÀI	08/04/2001	CCQ2124A				46	36	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121240036	BÙI PHƯƠNG KHANH	29/07/2003	CCQ2124B				46	46	92	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121240060	HOÀNG THỊ LIÊU	23/04/2001	CCQ2124B				50	45	95	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121240012	NGUYỄN THỊ LINH	20/08/2002	CCQ2124A				47	45	92	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120240106	TRẦN NGUYỄN HOÀNG LINH	01/09/2002	CCQ2024D				40	48	88	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120240178	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	24/04/2002	CCQ2024LA				42	36	78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121240013	ĐÀO THỊ TUYẾT MAI	01/02/2003	CCQ2124A				40	33	73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120240048	HOÀNG THUY TUYẾT MAI	20/12/2002	CCQ2024B				35	42	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121240031	ĐÀO THỊ NGỌC MÃN	11/07/2003	CCQ2124B				43	34	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

In : 28/03/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (224330) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Ngọc Châu (240016)**

Số SV có mặt: 50

Số bài thi: 50

Số tờ giấy thi: 50

Cán bộ coi thi 1 <i>Ngọc Châu</i> NNChâu	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Ngọc Châu</i> NNChâu	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121240037	LÝ THỊ NGÂN	12/03/2003	CCQ2124B				40	30	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121240002	TRẦN TUYẾT NGÂN	13/03/2003	CCQ2124A				44	44	88	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121240009	TRẦN KIM NGỌC	12/06/2003	CCQ2124A				39	41	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121240041	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	07/07/2003	CCQ2124B				41	34	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121240023	VÕ NGUYỄN MINH NGỌC	03/06/2003	CCQ2124A				43	45	88	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121240028	NGUYỄN HOÀNG BẢO NGUYỄN	13/01/2003	CCQ2124A				45	41	86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121240053	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	30/05/2002	CCQ2124B				42	33	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121240038	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	07/04/2003	CCQ2124B				48	41	89	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121240048	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	07/08/2003	CCQ2124B				39	36	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121240056	NGUYỄN KỶ PHONG	25/07/2003	CCQ2124B				40	37	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121240034	TRẦN THỊ AN PHÚC	12/12/2003	CCQ2124B				41	33	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121240015	TRƯƠNG HOÀI PHƯƠNG	16/09/2003	CCQ2124A				39	29	68	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121240011	VÕ THỊ BÍCH PHƯƠNG	25/02/2003	CCQ2124A				39	34	73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2121240019	NGUYỄN ĐOÀN TRIỆU QUÂN	20/03/2003	CCQ2124A				42	39	81	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121240017	BÙI THỊ BÍCH QUYÊN	04/12/2002	CCQ2124A				38	34	72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2121240024	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	16/03/2003	CCQ2124A				47	35	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2121240054	TRƯƠNG THỊ THU THẢO	12/04/2003	CCQ2124B				41	29	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2118240407	VÕ NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	28/11/2000	CCQ1824F				41	31	72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2121240018	DƯƠNG THỊ BÍCH THỦY	08/06/2003	CCQ2124A				41	34	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2121240007	VÕ LÊ THƯ	04/01/2003	CCQ2124A				45	37	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (224330) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Ngọc Châu (240016)**

Số SV có mặt: 50

Số bài thi: 50

Số tờ giấy thi: 50

Cán bộ coi thi 1 <i>Ngô Châu</i> NN Châu	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Ngô Châu</i> NN Châu	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121240057	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	09/04/2003	CCQ2124B				44	37	81	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2121240078	NGUYỄN THỊ HOÀI	06/05/2001	CCQ2124C				45	46	91	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2120240081	LÊ THỊ KIM	18/04/2002	CCQ2024C				45	40	85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2121240052	VŨ THỊ THỦY	10/09/2003	CCQ2124B				41	34	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2121240043	NGUYỄN THIÊN	06/01/1997	CCQ2124B				47	40	87	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	2121240045	NGUYỄN KIỀU	28/11/2003	CCQ2124B				41	31	72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	2121240029	NGUYỄN HÀ	05/12/2003	CCQ2124A				39	33	72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	2121240058	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	26/06/2003	CCQ2124B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	2121240174	TRẦN VĂN	19/09/2002	CCQ2124F				42	33	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	2121240051	NGUYỄN TRUNG	27/11/2003	CCQ2124B				39	35	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	2121240025	NGÔ THỊ HỒNG	30/12/2003	CCQ2124A				43	40	83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

H05
Đ:46

Môn học: Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (224330) - Nhóm 02

CBGD: Lê Thị Thanh Thảo (240010)

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Lê Thảo</i>	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 50%	Đ. Thi 50%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121240091	LẠI NGỌC LAN ANH	18/05/2003	CCQ2124D				47	21	68	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121240098	VŨ THỊ NGỌC ANH	24/08/2002	CCQ2124D				44	22	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121240105	DƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	29/10/2003	CCQ2124D				32	50	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121240076	DƯƠNG THỊ HUỆ CHI	04/12/2002	CCQ2124C				50	46	96	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121240061	NGUYỄN NGỌC DIỄM	09/11/2002	CCQ2124C				34	22	56	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121242006	LÊ NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	03/01/2002	CCQ2124LA				29	27	56	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121240068	LA THỊ ĐÀO	29/08/2003	CCQ2124C				41	23	64	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121240095	NGUYỄN THỊ SANG HA	08/10/2003	CCQ2124D				50	49	99	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121240112	BÙI THỊ THANH HÀ	07/12/2003	CCQ2124D				19	23	42	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121240100	CAO THỊ XUÂN HÀ	01/09/2003	CCQ2124D				48	22	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121240115	ĐỖ THỊ THÚY HẢI	21/11/2003	CCQ2124D				47	33	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121240118	ĐƯỜNG MINH HIỀN	20/01/2003	CCQ2124D				50	47	97	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121240104	LÊ NGỌC HOÀNG	18/04/2003	CCQ2124D				49	37	86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121240067	LÂM THỊ HẢI HƯƠNG	28/04/2003	CCQ2124C				43	20	63	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121240079	TRƯƠNG TÂN KHOA	14/09/2002	CCQ2124C				17	25	42	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121240069	TRẦN THỊ THÚY KIỀU	16/07/2003	CCQ2124C				50	41	91	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121240081	HÀ THỊ MỸ LINH	27/12/2003	CCQ2124C				45	36	81	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121240090	TRẦN TRIỆU KHÁNH LINH	14/12/2003	CCQ2124C				50	50	100	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121240070	NGUYỄN ĐỨC LỘC	02/10/2003	CCQ2124C				18	32	50	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121240086	LÊ TRỊNH THANH MAI	21/05/2003	CCQ2124C				44	20	64	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (224330) - Nhóm 02

CBGD: Lê Thị Thanh Thảo (240010)

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	--	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Từ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 30%	Đ.Thi 50%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121240119	LÊ THỊ DIỄM MY	15/09/2003	CCQ2124D				49	39	88	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121240083	PHẠM THỊ THU	27/10/2003	CCQ2124C				45	29	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121240093	NGUYỄN VŨ KIỀU	13/08/2003	CCQ2124D				50	46	96	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121240080	PHAN THANH	05/12/2003	CCQ2124C				48	34	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121240099	TRẦN THỊ KIM	25/06/2003	CCQ2124D				42	35	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121240085	PHAN THỊ THANH	05/02/2003	CCQ2124C				39	26	65	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121240107	NGUYỄN THỊ KIM	28/06/2003	CCQ2124D				50	39	89	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121240096	PHAN THIÊN	11/02/2003	CCQ2124D				47	43	90	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120240195	TRẦN CAO QUỲNH	25/01/2000	CCQ2024G				00	00	00	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121240087	TRẦN NGUYỄN QUỲNH	15/12/2003	CCQ2124C				48	43	91	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121240102	VŨ QUỲNH	17/01/2003	CCQ2124D				38	29	67	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121240097	HỒ SĨ	19/08/2002	CCQ2124D				38	33	71	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120240245	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	18/11/2002	CCQ2024H				17	37	54	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2121240082	NGUYỄN THỊ THU	09/12/2003	CCQ2124C				42	44	86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121240114	LÝ THỊ NGỌC	02/10/2003	CCQ2124D				30	28	58	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2121240106	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	03/01/2003	CCQ2124D				27	30	67	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2121240108	NGUYỄN TRƯƠNG NGỌC	19/06/2003	CCQ2124D				26	29	55	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2121240092	NGUYỄN TRẦN BÍCH	19/06/2003	CCQ2124D				49	46	95	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2121240074	BIỆN THỊ HOÀI	29/12/2003	CCQ2124C				22	21	43	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2120240166	NGUYỄN THỊ THU	02/05/2002	CCQ2024F				36	23	59	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

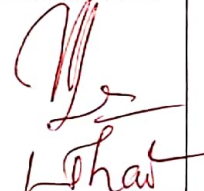
Môn học: **Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (224330) - Nhóm 02**

CBGD: **Lê Thị Thanh Thảo (240010)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	--	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 50%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121240101	NGUYỄN PHAN MINH THƯ	16/09/2003	CCQ2124D				47	35	82	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	2121240073	LÊ NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	23/07/2002	CCQ2124C				25	34	59	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	2121240111	NGUYỄN NGỌC THỦY TIỀN	19/09/2003	CCQ2124D				50	46	96	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	2121240064	NGÔ HOÀNG KHẢ TÚ	23/07/2003	CCQ2124C				31	50	81	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	2121240116	NGUYỄN THỊ BÍCH VI	06/04/2003	CCQ2124D				46	33	79	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	2121240103	HUỲNH LÝ THẢO VY	16/12/2003	CCQ2124D				43	35	78	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	2121240062	HUỲNH MỸ GIAO VY	15/08/2003	CCQ2124C				26	22	48	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	2121240077	NGUYỄN THỊ ÁI VY	08/12/2003	CCQ2124C				45	29	74	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	2121240110	TRƯƠNG THÚY VY	15/10/2003	CCQ2124D				45	25	70	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	2121240120	HUỲNH THỊ NHƯ Ý	12/08/2003	CCQ2124D				24	26	50	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	2121240117	VŨ HẢI YẾN	05/12/2003	CCQ2124D				38	37	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)